

Số: /BC-CTK

Cần Thơ, ngày tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Năm và 5 tháng đầu năm 2024

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp trong điều kiện thời tiết thuận lợi với đa số các loại cây trồng, cây hàng năm vụ đông xuân cơ bản thu hoạch xong, tập trung chăm sóc lúa vụ hè thu; cây ăn trái vào mùa thu hoạch với năng suất, giá bán cao hơn so cùng kỳ; chăn nuôi gia súc, gia cầm ổn định, đàn heo tiếp tục tăng số đầu con và sản lượng xuất chuồng. Tính chung 5 tháng năm 2024, tổng sản lượng thủy sản tăng 8,32% so với cùng kỳ.

a) Nông nghiệp

Cây lúa: Tổng diện tích gieo trồng lúa tính đến ngày 15/5/2024 được 144.093 ha, giảm 2,63% so với cùng kỳ. Cụ thể: Lúa đông xuân gieo trồng được 72.813 ha, giảm 2,95% hay 2.215 ha so với cùng kỳ năm trước, đã thu hoạch xong với năng suất ước đạt 74,97 tạ/ha, sản lượng 545.891 tấn, giảm 2,48% so với cùng kỳ. Lúa hè thu gieo trồng được 71.280 ha, giảm 2,30% so với cùng kỳ, lúa đang trong giai đoạn sinh trưởng và phát triển tốt. Diện tích gieo trồng lúa giảm 3.891 ha chủ yếu do chuyển đổi mục đích sử dụng từ diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái và triển khai xây dựng các công trình.

Cây hàng năm khác: Tổng diện tích gieo trồng rau màu, đậu các loại và cây công nghiệp ngắn ngày được 9.127 ha, giảm 13% so với cùng kỳ và đã thu hoạch được 4.904 ha. Trong đó, cây ngô, rau các loại, cây màu khác giảm so với cùng kỳ, riêng cây đậu các loại tăng 11,24% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo trồng cây hàng năm khác giảm 1.364 ha so với cùng kỳ, do thời tiết nắng nóng hiện nay được xem là mùa nghịch bởi nền nhiệt trong ngày khá cao khiến rau chậm phát triển.

Cây lâu năm: Tổng diện tích cây lâu năm đạt 27.026 ha, tăng 4,26% so cùng kỳ, trong đó diện tích cây ăn quả đạt 25.660 ha, chiếm 94,95% trong tổng diện tích cây lâu năm, tăng 4,56% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích cây ăn quả ngày càng mở rộng, hình thành vùng sản xuất tập trung cây ăn quả chủ lực, các sản phẩm đặc trưng có thương hiệu gồm các loại cây trồng như: Dâu Hạ Châu Phong Điền, sầu riêng, xoài Cát Hòa Lộc Sông Hậu, nhãn, vú sữa Phong Điền;... Giá nhiều loại trái cây giảm do nguồn cung tăng khi nhiều loại trái cây đang bước vào mùa thu hoạch chính vụ, cũng như do sự cạnh tranh của nhiều loại trái cây ở trong nước và trái cây nhập khẩu giá rẻ. Cụ thể, sầu riêng Ri6 còn 65.000 - 68.000 đồng/kg, xoài Cát Hòa Lộc 38.000 đồng/kg, măng cầu Xiêm 15.000 - 20.000 đồng/kg, xoài Đài Loan 10.000 đồng/kg, chuối 7.000 đồng/kg,

Nhãn Ido 19.000 đồng/kg, bưởi da xanh 20.000 - 25.000 đồng/kg, ổi lê đường 15.000 đồng/kg, ổi Ruby 15.000 - 20.000 đồng/kg, mận 20.000 đồng/kg, quýt 30.000 đồng/kg, chôm chôm Thái 25.000 - 35.000 đồng/kg, dừa khô 85.000 - 90.000 đồng/chục; ...

Chăn nuôi: Tính đến thời điểm đầu tháng 5/2024, đàn trâu với số lượng hiện có 245 con, giảm 11,87% so với cùng kỳ; đàn bò 4.082 con, giảm 6,78%; đàn lợn 131.651 con, tăng 4,74%. Tính chung 5 tháng/2024, sản lượng thịt hơi gia súc xuất chuồng ước đạt 10.342 tấn, tăng 0,78% so với cùng kỳ; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 4.040 tấn, tăng 7,50% và sản lượng trứng gia cầm đạt 55.610 nghìn quả, tăng 8,10% (trứng gà 3.064 nghìn quả, tăng 2,18%). Ngoài ra, thành phố có 284 hộ nuôi chim yến, với 298 nhà yến và tổng đàn khoảng 178 nghìn con.

b) Lâm nghiệp: Ước tính đến tháng 5/2024, toàn thành phố trồng được khoảng 330 nghìn cây phân tán. Sản lượng gỗ khai thác khoảng 340 m³, giảm 0,58% so với cùng kỳ; củi khai thác 3.992 Ste, giảm 1,16% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng/2024, lượng gỗ khai thác khoảng 1.977 m³, giảm 6,13% so với cùng kỳ; củi khai thác 21.781 Ste, giảm 7,36% so với cùng kỳ.

c) Thủy sản: Tháng 5/2024, diện tích nuôi trồng thủy sản (không bao gồm diện tích sản xuất giống) ước đạt 3.061 ha, tăng 10,39% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích nuôi cá tra thâm canh, bán thâm canh ước đạt 610 ha, tăng 7,21% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 29.864 tấn (chủ yếu sản lượng cá), tăng 9,16% so với cùng kỳ, trong đó: nuôi trồng 29.214 tấn, tăng 8,86% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng/2024, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 86.484 tấn, tăng 8,32% so với cùng kỳ, bao gồm: Sản lượng thủy sản nuôi trồng 84.873 tấn, tăng 8,21% và sản lượng thủy sản khai thác 1.611 tấn, tăng 14,26% so với cùng kỳ.

Hình 1. Sản lượng thủy sản 5 tháng đầu năm 2024

(So với cùng kỳ năm trước)



Giá cá tra nguyên liệu giảm trong khi chi phí nguyên liệu đầu vào tăng khiến các hộ nuôi phân vân việc xuống giống tiếp đã khiến giá cá tra giống cũng quay đầu giảm dao động từ 27.000 - 29.000 đồng/kg, giảm 500 đồng/kg so với

tháng trước. Nhiều người nuôi cá tra đang gặp nhiều khó khăn về vốn khi chi phí nuôi cá tăng (thức ăn và thuốc chữa bệnh). Kiến nghị các Ngành chức năng cần có chính sách phù hợp, kịp thời về tín dụng để các cơ sở nuôi và chế biến thủy sản duy trì trong thời gian kinh tế khó khăn như hiện nay.

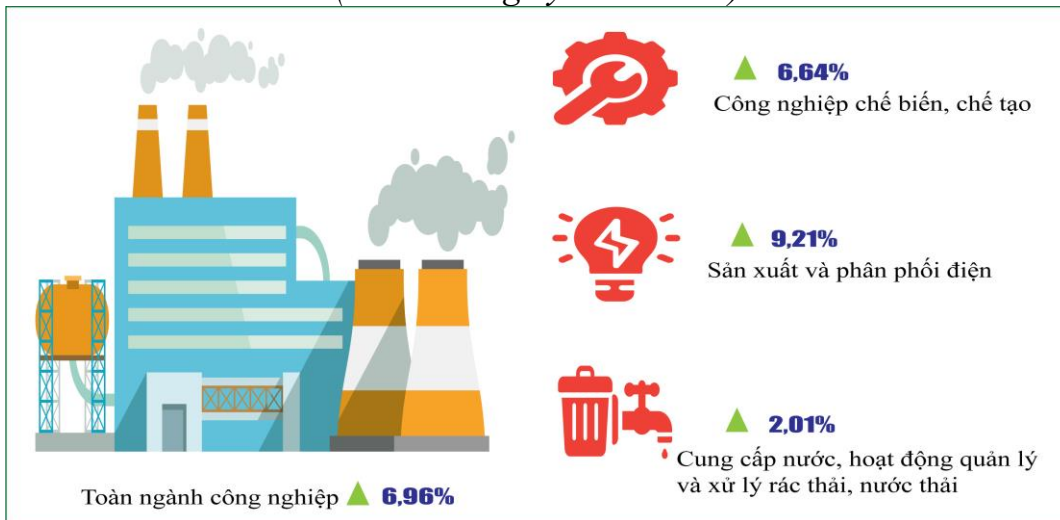
2. Sản xuất công nghiệp

Hoạt động sản xuất công nghiệp vẫn duy trì ổn định, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Năm ước tính tăng 7,51% so với tháng trước và tăng 5,04% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,96% so với cùng kỳ.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 5/2024 ước tính tăng 7,51% so tháng trước và tăng 5,04% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 5,01%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,33%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,73%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, IIP ước tính tăng 6,96% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 6,64%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,21%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,01%.

Hình 2. Chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm 2024
(So với cùng kỳ năm trước)



Chỉ số sản xuất 5 tháng đầu năm 2024 của một số ngành cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất trang phục tăng 74,03%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 38,20%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 27,75%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 25,35%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 23,89%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 18,51%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 17,78%. Ở chiều ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành giảm: Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 31,81%; sản xuất kim loại giảm 23,69%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 3,99%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 0,41%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực 5 tháng đầu năm 2024 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Bao và túi (kể cả loại hình nan) từ plastic khác tăng hơn 2 lần; quần áo may sẵn tăng hơn 2 lần¹; phân khoáng và phân hóa học NPK tăng 80,95%; thức ăn gia súc tăng 29,80%; đinh, đinh mũ, ghim dập tăng 25,35%; thuốc lá có đầu lọc tăng 23,89%; tôm đông lạnh tăng 12,52%; điện thương phẩm tăng 11,63%; phi lê đông lạnh tăng 7,75%²; xay xát gạo tăng 5,09%³; ... Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ: Thức ăn thủy sản giảm 31,43%⁴; sắt thép giảm 23,69%⁵; bia đóng lon giảm 10,39%; bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác giảm 5,69%; xi măng giảm 0,37%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 5/2024 ước tăng 8,90% so với tháng trước và tăng 10,29% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 5 tháng/2024, tăng 0,59% so với cùng kỳ. Tình hình xuất khẩu một số sản phẩm công nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu tại Cần Thơ vẫn chưa ký được hợp đồng xuất khẩu mới, vì vậy tiêu thụ sản phẩm một số ngành sản xuất công nghiệp giảm so với cùng kỳ, cụ thể: doanh nghiệp sản xuất sắt thép, sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác,... Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng nhiều doanh nghiệp đang thuận lợi trên thị trường xuất khẩu, như: doanh nghiệp hoạt động ngành xay xát, ngành may mặc,...

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/5/2024 giảm 2,65% so với tháng cùng kỳ và tăng 0,14% so với tháng trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với cùng kỳ, như: Công nghiệp chế biến, chế tạo khác; sản xuất sản phẩm thuốc lá; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế⁶;... Bên cạnh đó, có chỉ số tồn kho giảm so với cùng kỳ, như: Sản xuất kim loại; sản xuất trang phục; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất chế biến thực phẩm⁷; ...

¹ Sản xuất trang phục thu hút nhiều lao động tại địa phương, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Hiện tại, đại đa số doanh nghiệp hoạt động ngành may mặc chủ yếu nhận gia công cho đơn vị khác, chỉ số sản xuất trang phục ước 5 tháng đầu năm tăng 74,03% so với cùng kỳ.

² Ước tháng 5/2024, phi lê đông lạnh tăng 23,59% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng sản lượng ước đạt trên 99 nghìn tấn, mặc dù sản lượng tăng nhưng theo báo cáo của các công ty chế biến thủy sản, tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, giá bán giảm, công ty chưa khai thác được khách hàng mới, các đơn hàng xuất kho đa phần là hợp đồng cũ.

³ 5 tháng/2024, sản lượng gạo đạt trên 1,6 triệu tấn, nên tình hình xuất khẩu gạo đang có nhiều thuận lợi, lệnh cấm xuất khẩu gạo để đảm bảo an ninh lương thực và kiềm chế lạm phát ở một số quốc gia như Ấn Độ, UAE, Nga là cơ hội việc xuất khẩu cho sản phẩm gạo Việt Nam trên thị trường quốc tế.

⁴ Do cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường, mặt khác chủ yếu phục vụ vùng nuôi của đơn vị.

⁵ Cạnh tranh với thép nhập khẩu từ Trung Quốc, đơn hàng xuất khẩu sang thị trường Campuchia giảm.

⁶ Một số công ty sản xuất sản phẩm từ gỗ nhận ít đơn hàng do vướng thủ tục đấu thầu cung ứng nội thất cho các công trình xây dựng cơ bản có vốn ngân sách, như dự án xây dựng trường học, trụ sở cơ quan quản lý nhà nước,... thêm vào đó, sản phẩm của các đơn vị phải cạnh tranh với sản phẩm gỗ giá rẻ của các doanh nghiệp tỉnh khác, tiêu thụ giảm vì vậy tồn kho tăng, ước tồn kho sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế tháng 5/2024 tăng 27,64% so với cùng kỳ.

⁷ Tồn kho ước tháng 5/2024 giảm 10,08% so với cùng kỳ, trong đó tồn kho ngành xay xát và sản xuất bột thô ước tháng 5/2024 giảm 50,12% so với cùng kỳ, thị trường sản xuất kinh doanh mặt hàng gạo đang trở thành tâm điểm, khi Việt Nam trúng thầu nhiều hợp đồng xuất khẩu gạo với sản lượng đáng kể trên thị trường quốc tế. Hiện nay, một số doanh nghiệp xay xát không đủ nguyên liệu sản xuất, phải mua gạo thương phẩm từ doanh nghiệp khác mới có đủ sản phẩm cung ứng cho khách hàng theo hợp đồng ký kết, vì vậy lượng gạo tồn kho tại các doanh nghiệp giảm đáng kể.

Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp ước tháng 5/2024 tăng 1,07% so tháng trước và tăng 5,35% so với cùng kỳ năm trước; lao động khu vực doanh nghiệp nhà nước ước giảm 0,44% so tháng trước và tăng 3,17% so với cùng kỳ năm trước; doanh nghiệp ngoài nhà nước ước tăng 0,02% so với tháng trước và giảm 1,68% so với cùng kỳ năm trước; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước tăng 2,58% so với tháng trước và tăng 16% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng/2024, chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp tăng 2,70% so với cùng kỳ.

Hiện nay, tình hình tuyển dụng lao động có tay nghề đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp đang là bài toán nan giải của một số doanh nghiệp tại Cần Thơ, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động ngành may mặc tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng một số doanh nghiệp vẫn duy trì hoạt động để đảm bảo cuộc sống cho người lao động, thu nhập của công nhân giảm, nhiều công nhân có thâm niên làm việc lâu năm, tay nghề tốt nghỉ việc để rút bảo hiểm xã hội một lần, vì vậy lao động của một số doanh nghiệp vốn ngoài nhà nước giảm so với cùng kỳ.

3. Đầu tư

Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước tháng Năm được các cấp, các ngành và địa phương tập trung đẩy mạnh thực hiện, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế. Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 30,58% kế hoạch, tăng 9,40% so với cùng kỳ năm trước. Tính từ đầu năm đến nay, chỉ thu hút được 01 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn đăng ký 0,15 triệu USD.

a) Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng Năm ước tính đạt 665,15 tỷ đồng, tăng 15,36% so với tháng trước và tăng 12,41% so cùng kỳ năm 2023. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố thực hiện 448,74 tỷ đồng, tăng 15,22% và tăng 7,21%; vốn ngân sách nhà nước cấp quận, huyện thực hiện 216,41 tỷ đồng, tăng 15,67% và tăng 24,98%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư ước thực hiện 2.679,08 tỷ đồng, tăng 9,40% so với cùng kỳ năm trước và đạt 30,58% kế hoạch năm 2024 (đã điều chỉnh). Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố thực hiện 1.771,41 tỷ đồng, tăng 7,88% so với cùng kỳ năm trước và đạt 30,35% kế hoạch năm; vốn ngân sách nhà nước cấp quận, huyện đạt 907,67 tỷ đồng, tăng 12,49% so với cùng kỳ và đạt 31,03% kế hoạch năm.

Hình 3. Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước 5 tháng đầu năm 2024
(So với cùng kỳ năm trước)



Dự án trọng điểm của Trung ương trên địa bàn thành phố: (1) Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ do Ban quản lý dự án làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư là 9.845 tỷ đồng, được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương. Kế hoạch vốn năm 2024 là 1.500 tỷ đồng, đến nay công tác giải phóng mặt bằng đạt cơ bản hơn 99%, tuy nhiên việc di dời đường điện, đặc biệt là đường điện cao thế, hệ thống viễn thông đang rất chậm, điều này ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án. Sau hơn nửa năm chờ đợi, những ngày cuối tháng 4/2024 vừa qua, có gần 56.000 m³ cát được khai thác từ mỏ cát Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang được vận chuyển đến các gói thầu của dự án, chủ đầu tư và nhà thầu đang tăng tốc thi công bù đắp thời gian chậm tiến độ do thiếu nguồn vật liệu cát san lấp trước kia.; (2) Dự án thành phần đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 đoạn ngang thành phố Cần Thơ - Hậu Giang, có tổng mức đầu tư hơn 10.370 tỷ đồng và chỉ có 1 gói thầu xây lắp. Tiến độ thi công dự án đang bị chững lại do ảnh hưởng tiến độ di dời bãi rác, hơn nữa các nhà máy xử lý rác trên địa bàn đang quá tải, nên phương án di dời hiện tại được thực hiện bằng hình thức gom rác qua 2 bên đường để thuận tiện cho việc thi công.

Một số Dự án trọng điểm sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố: (1) Dự án phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị (dự án 3), có tổng mức đầu tư hơn 9.167 tỷ đồng, được thực hiện bằng nguồn vốn ODA, do Ban quản lý ODA làm chủ đầu tư. Kế hoạch vốn năm 2024 được giao 1.875,8 tỷ đồng; (2) Dự án đường vành đai phía Tây nối liền quốc lộ 91 và quốc lộ 61C dự án do Sở Giao thông vận tải thành phố làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư 3.837,7 tỷ đồng. Kế hoạch vốn năm 2024 được giao 310 tỷ đồng. Đến nay, dự án đã khởi công được 4/7 gói thầu xây lắp, các gói thầu còn lại đã có kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công. Tiến độ giải phóng mặt bằng, bồi hoàn hỗ trợ tái định cư đạt khoảng 54%, bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công đạt khoảng 50%, tiến độ thi công 4 gói thầu đạt khoảng 16,92%; (3) Dự án xây dựng cầu Cờ Đỏ (trên đường tỉnh 919), dự án có tổng mức đầu tư

trên 165 tỷ đồng, do Sở Giao thông vận tải thành phố làm chủ đầu tư, dự án được triển khai xây dựng trong năm 2022, sau thời gian tập trung thi công, đến nay các hạng mục chính của cầu đã hoàn tất; (4) *Dự án xây dựng cầu Tây Đô*, dự án có tổng mức đầu tư trên 225 tỷ đồng, do Sở Giao thông vận tải thành phố làm chủ đầu tư, dự kiến được thông xe và đưa vào sử dụng trong tháng 5/2024; (5) *Dự án xây dựng trường Trung học cơ sở Trà Nóc*, dự án có tổng mức đầu tư trên 88 tỷ đồng, do Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất quận Bình Thủy làm chủ đầu tư. Đến cuối tháng 4/2024, tiến độ thi công đạt trên 16%, dự án chậm tiến độ do vướng mặt bằng thi công, dự kiến dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 7/2024. Ngoài những dự án nêu trên, thành phố còn một số dự án trọng điểm đã được phê duyệt, đang trong giai đoạn chuẩn bị và hoàn thiện thủ tục ban đầu sẽ khởi công trong thời gian tới, như: Dự án xây dựng Trụ sở Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, Dự án xây dựng Khu hành chính thành phố Cần Thơ, Dự án xây dựng Thư viện thành phố Cần Thơ,...

b) Thu hút đầu tư trong nước (ngoài khu công nghiệp): Tháng 5 năm 2024, thu hút được 01 dự án mới với tổng vốn đầu tư đăng ký 0,2 tỷ đồng. Lũy kế 5 tháng/2024, thành phố có 2 dự án mới, vốn đầu tư đăng ký 150,2 tỷ đồng (01 dự án được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; 01 dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). Điều chỉnh 01 dự án (giảm quy mô). Lũy kế đến hiện nay có 92 dự án được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đang triển khai thực hiện, tổng diện tích sử dụng đất khoảng 1.909,6 ha.

c) Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Trong tháng Năm, thành phố Cần Thơ chưa cấp mới dự án. Lũy kế 5 tháng đầu năm, cấp mới 01 dự án, vốn đăng ký 0,15 triệu USD, chấm dứt hoạt động 1 dự án, vốn đăng ký 0,15 triệu USD⁸. Lũy kế trên địa bàn thành phố hiện có 81 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 2.274,97 triệu USD (Trong khu công nghiệp 29 dự án, tổng vốn đăng ký 611,98 triệu USD; ngoài Khu Công nghiệp 52 dự án, tổng vốn đăng ký 1.662,99 triệu USD).

d) Tình hình đăng ký doanh nghiệp⁹: Tính từ ngày 19/4/2024 đến ngày 18/5/2024, cấp mới đăng ký kinh doanh cho 134 doanh nghiệp các loại hình với tổng vốn đăng ký 754,82 tỷ đồng; tổng số doanh nghiệp giải thể và đăng ký tạm ngưng hoạt động là 61 doanh nghiệp. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024, cấp mới đăng ký kinh doanh cho 667 doanh nghiệp, đạt 37,05% kế hoạch; tổng vốn đăng ký 4.460,13 tỷ đồng, đạt 34,3% kế hoạch; so cùng kỳ năm 2023, số doanh nghiệp đăng ký giảm 2,2% và số vốn đăng ký mới tăng 4,03%; tổng số doanh nghiệp giải thể và đăng ký tạm ngưng hoạt động là 671 doanh nghiệp, tăng 17,1% so với cùng kỳ năm 2023.

e) Công tác giải ngân: Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, tính đến ngày 22/5/2024, tình hình giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã giải

⁸ Công ty TNHH Aqua Blue 888 (CH Síp - Bi), xuất nhập khẩu thủy sản.

⁹ Nguồn số liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

ngân được 2.256,77 tỷ đồng (bao gồm cả tạm ứng), đạt 25,6% so với kế hoạch năm. Trong đó, các nguồn vốn đầu tư công do thành phố quản lý giải ngân được 2.255,93 tỷ đồng, đạt 25,6% so với kế hoạch năm 2024, cụ thể: Cấp thành phố giải ngân đạt 28,1%; cấp quận, huyện giải ngân đạt 20,7%.

4. Thương mại, dịch vụ, du lịch

Hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định. Trong tháng 5/2024, hầu hết doanh thu của các lĩnh vực đều tăng cao so với cùng kỳ năm trước (doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 14,69%; lưu trú và ăn uống tăng 28,52%; du lịch lữ hành tăng 82,12%; dịch vụ khác tăng 18%). Tính chung 5 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 10,75% so với cùng kỳ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5/2024, ước tính đạt 11.426,72 tỷ đồng, tăng 1,32% so với tháng trước và tăng 17,06% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng năm 2024, ước đạt 54.232,63 tỷ đồng, tăng 10,75% so với cùng kỳ. Chia theo ngành hoạt động:

Bán lẻ hàng hóa: Tháng 5/2024, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 8.104,02 tỷ đồng, giảm 1,56% so với tháng trước, tăng 14,69% so với cùng kỳ năm trước. Nếu doanh thu bán lẻ các tháng trước có từ 2-3 nhóm hàng giảm so với cùng kỳ, thì trong tháng Năm chỉ có duy nhất nhóm hàng hàng may mặc giảm (-24,49%) và nhóm hàng này liên tục giảm từ các tháng đầu năm cho đến nay. Hầu hết các nhóm hàng còn lại đều có mức tăng cao hơn 10% so với cùng kỳ năm trước: Lương thực, thực phẩm tăng 22,41%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 10,63%; ô tô các loại tăng 17,03%; xăng, dầu các loại tăng 17,98%; nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu) tăng 30,50%; ... Tính chung 5 tháng năm 2024, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 39.120,02 tỷ đồng, tăng 10,90% so với cùng kỳ. Trong đó có 10/12 nhóm hàng tăng so với cùng kỳ như sau: Lương thực, thực phẩm tăng 20,65%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 13,85%; xăng, dầu các loại tăng 10,14%; nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu) tăng 20,68%; ... Riêng nhóm hàng may mặc và ô tô các loại giảm so với cùng kỳ lần lượt là 21,45% và 6,64%.

Lưu trú, ăn uống: Doanh thu trong tháng 5/2024 của lĩnh vực này nhìn chung tăng cao so với cùng kỳ, tuy nhiên doanh thu dịch vụ lưu trú có dấu hiệu giảm nhiều so với cùng tháng năm trước (-12,01%). Doanh thu lưu trú, ăn uống tháng 5/2024 ước đạt 1.457,13 tỷ đồng, tăng 6,42% so với tháng trước, tăng 28,52% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng năm 2024, doanh thu lưu trú, ăn uống ước đạt 6.798,33 tỷ đồng, tăng 11,49% so với cùng kỳ. Trong đó, dịch vụ lưu trú ước đạt 637,95 tỷ đồng, tăng 15,56% so với cùng kỳ và dịch vụ ăn uống ước đạt 6.160,38 tỷ đồng, tăng 11,09% so với cùng kỳ năm trước.

Du lịch lữ hành: Từ đầu năm cho đến nay, hoạt động du lịch liên tục tăng cao so với các tháng cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu tăng cao tập trung vào tháng Một, tháng Hai và dự kiến tháng 5/2024 tiếp tục tăng cao do nhu cầu đi du lịch của người dân vào các ngày lễ tăng. Doanh thu du lịch lữ hành tháng 5/2024 ước đạt 63,81 tỷ đồng, tăng 25,76% so với tháng trước, tăng 82,12% so

với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng năm 2024, doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 230,68 tỷ đồng, tăng 66,88% so với cùng kỳ.

Dịch vụ khác: Doanh thu dịch vụ khác ước tháng 5/2024 đạt 1.801,76 tỷ đồng, tăng 10,79% so với tháng trước và tăng 18% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng năm 2024, ước đạt 8.083,60 tỷ đồng, tăng 8,44% so với cùng kỳ.

Hình 4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 5 tháng năm 2024 (so với cùng kỳ)

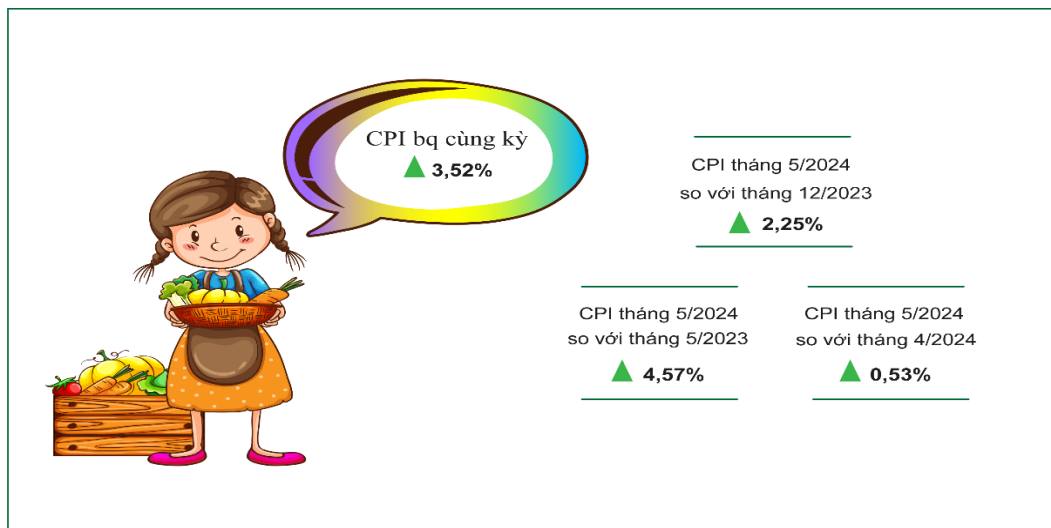


5. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Kỳ nghỉ Lễ kéo dài, nắm bắt được xu hướng tiêu dùng mua sắm nên các nhà sản xuất, nhà kinh doanh và các tiểu thương đã tăng cường lượng hàng hóa, nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu mua sắm của người dân. Các hệ thống siêu thị và trung tâm thương mại đã tăng cường tổ chức các chương trình khuyến mãi, giảm giá lớn nhằm tăng doanh số bán hàng cũng như phục vụ người tiêu dùng trong đợt nghỉ dài.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Năm tăng 0,53% so với tháng trước; tăng 4,57% so với cùng kỳ năm trước, tăng 2,25% so với tháng 12 năm trước. CPI bình quân 5 tháng đầu năm tăng 3,52% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Hình 5. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5 năm 2024



Trong tháng Năm, có 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng có chỉ số giá tăng so với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,06%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,02%; May mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,18%; Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,33%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,09%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; Giáo dục tăng 5,60%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,12%. Ba nhóm hàng hóa có chỉ số giá giảm so với tháng trước: Giao thông giảm 2,17%; Bưu chính viễn thông giảm 0,01%; Văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,97%.

Các nguyên nhân tác động đến giá CPI tháng 5 năm 2024

Trong tháng, một số nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng giảm đan xen đã tác động làm chỉ số giá chung của toàn thành phố tăng 0,53% so với tháng trước. Cụ thể: Giá gas trong tháng được điều chỉnh giảm dao động từ 5.000 - 7.000 đồng/bình 12 kg tùy loại và tùy thương hiệu gas, nguyên nhân giảm do các nhà kinh doanh gas trong nước điều chỉnh theo giá nhập hàng của giá thế giới. Hiện nguồn cung gas nội địa chỉ đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu tiêu dùng, nên giá gas trong nước vẫn chịu ảnh hưởng bởi thị trường quốc tế.

Chỉ số giá nhóm giao thông giảm là do giá xăng dầu giảm qua các lần điều chỉnh trong tháng theo sự điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính.

Chỉ số giá điện sinh hoạt và giá nước sinh hoạt tăng do nhu cầu sử dụng cao trong thời tiết nắng nóng kéo dài. Các thiết bị làm mát được người dân sử dụng tối đa kéo theo lượng điện năng tiêu thụ tăng cao đã tác động làm giá điện bình quân tăng dẫn đến chỉ số giá điện tăng. Đối với giá nước cũng tăng do nhu cầu sử dụng tăng, đặc biệt là khi vực nông thôn tăng cao hơn.

Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 5,60% đã tác động mạnh đến chỉ số giá chung của toàn thành phố, giá tăng là do áp dụng mức thu học phí năm học 2023-2024 của các trường công lập thuộc cấp mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông¹⁰.

Chỉ số giá vàng tháng Năm tăng 3,70% so với tháng trước, tăng 33,16% so với cùng tháng năm trước, tăng 22,87% so với tháng 12 năm trước. Giá vàng trong nước liên tục phi mã, lập nhiều kỷ lục mới, bất chấp giá thế giới đi xuống và Ngân hàng Nhà nước bán đấu thầu để tăng nguồn cung ra thị trường. Mặc dù giá vàng trong nước chịu tác động từ giá thế giới nhưng việc khan hiếm nguồn cung khiến giá bị đẩy lên cao. Giá vàng nhẫn sjc ngày 21/5/2024 trên địa bàn thành phố dao động quanh mức 7.715.000 đồng/chỉ.

¹⁰ Chỉ số giá học phí tăng 6,64% do thực hiện Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 09/4/2024 của HĐND TP Cần Thơ quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2023-2024. Theo đó, mức thu học phí được chia làm 2 khu vực: quận và huyện. Ở quận, học phí cấp mầm non là 71.000 đồng/tháng/học sinh, cấp THCS là 65.000 đồng/tháng/học sinh, cấp THPT là 75.000 đồng/tháng/học sinh. Ở huyện, học phí cấp mầm non là 32.000 đồng/tháng/học sinh, cấp THCS là 33.000 đồng/tháng/học sinh, cấp THPT là 43.000 đồng/tháng/học sinh, riêng học sinh tiêu học trường công lập không đóng học phí. Theo nội dung nghị quyết vừa được HĐND TP Cần Thơ thông qua tại kỳ họp thứ 13, năm học 2023-2024, tất cả học sinh, học viên tại các cơ sở giáo dục công lập, trung tâm giáo dục thường xuyên sẽ được hỗ trợ học phí trong năm học 2023-2024 này, nhằm tiếp tục chia sẻ một phần khó khăn về tài chính cho cha mẹ học sinh trong điều kiện người dân còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế do quá trình phục hồi sau đại dịch và tạo điều kiện cho các em có điều kiện đến trường, thành phố đã thống nhất chính sách hỗ trợ học phí 50%.

Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,32% so với tháng trước, tăng 7,74% so với cùng tháng năm trước, tăng 4,25% so với tháng 12 năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tăng bởi dữ liệu lạm phát của Mỹ không có dấu hiệu giảm bớt, lạm phát của Mỹ vẫn duy trì cao, số liệu việc làm tích cực, thị trường liên tục điều chỉnh... Giá USD tại Việt Nam tăng cao do giá đồng bạc xanh trên thị trường thế giới nhảy vọt, lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm - một chỉ số quan trọng với tài sản toàn cầu cũng tăng từ dưới 4% lên gần 5%. Giá đô la Mỹ ngày 21/5/2024 dao động quanh mức 25.463 đồng/USD.

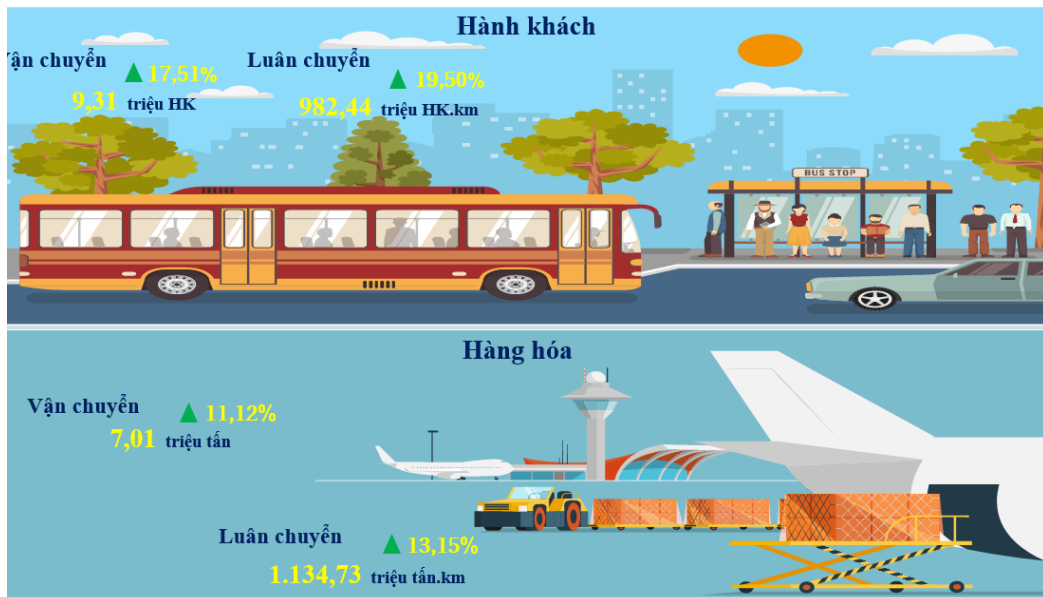
6. Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông

Tháng Năm và 5 tháng năm 2024, hoạt động vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát đều tăng doanh thu so cùng kỳ năm trước. Vận tải hành khách ước tính doanh thu giảm so với tháng 5/2023, nhưng tính chung 5 tháng năm 2024 vẫn tăng 5,65%, do vận tải hành khách đường bộ và đường thủy vẫn tăng cao so với cùng kỳ, chỉ riêng vận tải đường biển giảm sâu.

Tháng 5/2024, tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát ước đạt 581,90 tỷ đồng, tăng 0,97% so tháng trước, tăng 10,18% so cùng kỳ, cụ thể: Vận tải hành khách ước đạt 149,51 tỷ đồng, giảm 2,63% so tháng trước và giảm 14,34% so với cùng kỳ; vận tải hàng hóa ước đạt 316,98 tỷ đồng, tăng 2,78% so tháng trước và tăng 21,70% so với cùng kỳ; dịch vụ kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 95,12 tỷ đồng, tăng 1,74% so tháng trước và tăng 27,39% so với cùng kỳ; dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 20,29%, giảm 2,78% so tháng trước và tăng 9,84% so với cùng kỳ.

Tính chung 5 tháng năm 2024, tổng doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát ước đạt 2.835,45 tỷ đồng, tăng 12,70% so với cùng kỳ, cụ thể: Vận tải hành khách ước đạt 737,37 tỷ đồng, tăng 5,65% so cùng kỳ; vận tải hàng hóa ước đạt 1.537,55 tỷ đồng, tăng 14,46%; dịch vụ kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 454,21 tỷ đồng, tăng 16,74%; dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 106,32 tỷ đồng, tăng 24,32%.

Hình 6. Hoạt động vận tải 5 tháng năm 2024 (So với cùng kỳ)



Vận tải hành khách: Số lượt hành khách vận chuyển trong tháng 5/2024 ước đạt 1.978,24 nghìn hành khách, tăng 10,30% so với tháng trước và tăng 21,10% so với cùng kỳ. Số lượt hành khách luân chuyển ước đạt 207.798,47 nghìn hành khách.km, tăng 5,41% so tháng trước và tăng 11,09% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng năm 2024, số lượt hành khách vận chuyển ước đạt 9.312,94 nghìn hành khách, tăng 17,51% so với cùng kỳ. Số lượt hành khách luân chuyển đạt 982.440,48 nghìn hành khách.km, tăng 19,50% so với cùng kỳ.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng 5/2024, ước đạt 1.408,23 nghìn tấn, tăng 2,48% so với tháng trước và tăng 24,16% so với cùng kỳ. Khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 237.251,57 nghìn tấn.km, tăng 3,31% so tháng trước và tăng 16,84% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng năm 2024, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước tính đạt 7.012,01 nghìn tấn, tăng 11,12% so với cùng kỳ. Khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 1.134.738,69 nghìn tấn.km, tăng 13,15% so với cùng kỳ.

Bưu chính, viễn thông: Tháng 5/2024, doanh thu dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 20,29%, giảm 2,78% so tháng trước và tăng 9,84% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng năm 2024 doanh thu dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 106,32 tỷ đồng, tăng 24,32%.

7. Tài chính, ngân hàng

a) Thu, chi ngân sách

Thu ngân sách Nhà nước: Tổng thu ngân sách nhà nước lũy kế thực hiện đến ngày 20 tháng 5 năm 2024 đạt 7.121,48 tỷ đồng, bằng 37,12% dự toán HĐND thành phố giao, tăng 23,90% so với cùng kỳ. Cụ thể một số khoản thu chính như sau:

Thu nội địa đạt 4.702,15 tỷ đồng, bằng 38,92% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 22,34% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước đạt 277,64 tỷ đồng, đạt 24,46% dự toán, giảm 42,92% so với cùng kỳ; thu từ khu vực ngoài nhà nước đạt 1.330,13 tỷ đồng, đạt 48,67% dự toán, tăng 45,05% so với cùng kỳ; thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 590,72 tỷ đồng, đạt 51,37% dự toán, tăng 40,28% so với cùng kỳ.

Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 128,77 tỷ đồng, bằng 40,49% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 8,32% so với cùng kỳ.

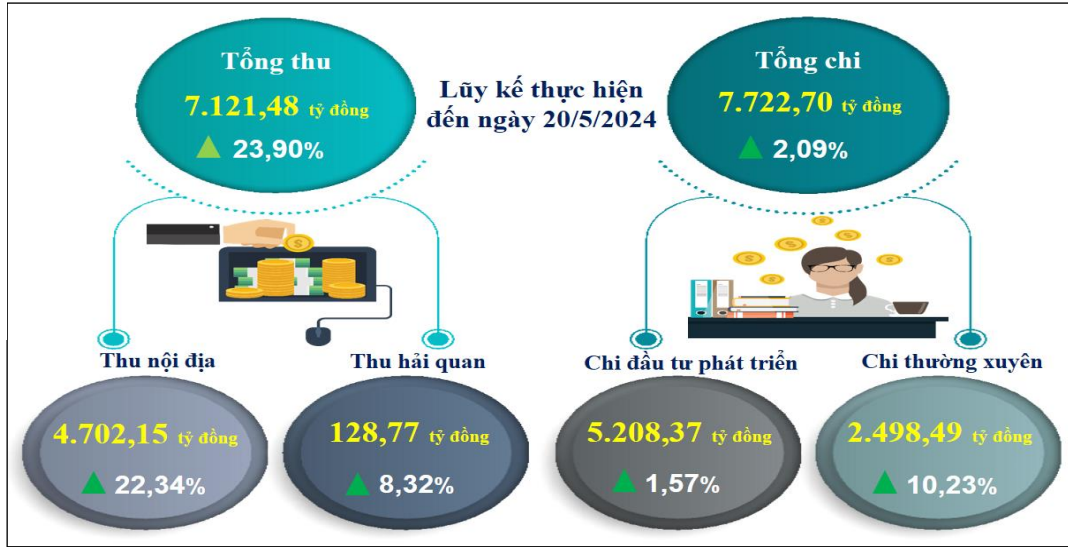
Chi ngân sách địa phương: Tổng chi ngân sách địa phương lũy kế thực hiện ngày 20 tháng 5 năm 2024 đạt 7.722,70 tỷ đồng, bằng 36,30% dự toán HĐND thành phố giao, tăng 2,09% so với cùng kỳ. Trong đó:

Chi cho đầu tư phát triển đạt 5.208,37 tỷ đồng, đạt 38,95% dự toán và tăng 1,57% so với cùng kỳ.

Chi thường xuyên đạt 2.498,49 tỷ đồng, bằng 34,51% dự toán và tăng 10,23% so với cùng kỳ. Trong đó: Chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề đạt 1.020,44 tỷ đồng, bằng 34,25% và tăng 15,19% so với cùng kỳ; chi cho

sự nghiệp y tế đạt 173,85 tỷ đồng, bằng 45,90% so với dự toán và tăng 12,81% so với cùng kỳ.

Hình 7. Thu chi ngân sách nhà nước (So với cùng kỳ)



b) Ngân hàng

Mặt bằng lãi suất huy động đến tháng 5/2024 tăng so với tháng trước, nhưng giảm so với đầu năm; dư nợ cho vay trong tháng tiếp tục tăng, nhưng mức tăng chưa cao (so với tháng trước tăng 0,53% và tăng 1,83% so với đầu năm).

Vốn huy động: Đến cuối tháng 5/2024, ước đạt 113.800 tỷ đồng, tăng 0,58% so với tháng 4/2024, giảm 3,36% so với đầu năm, trong đó:

Vốn huy động VNĐ là 111.200 tỷ đồng, chiếm 97,72%, tăng 0,53%; ngoại tệ là 2.600 tỷ đồng, chiếm 2,28%, tăng 2,85% so với đầu tháng.

Tiền gửi tiết kiệm là 68.400 tỷ đồng, chiếm 60,11%, tăng 0,51%; tiền gửi thanh toán là 43.900 tỷ đồng, chiếm 38,58%, tăng 0,55%; phát hành giấy tờ có giá là 1.500 tỷ đồng, chiếm 1,32%, tăng 4,68% so với đầu tháng.

Dư nợ cho vay: Đến tháng 5/2024, tổng dư nợ cho vay ước đạt 159.300 tỷ đồng, tăng 0,53% so với tháng 4/2024, tăng 1,83% so với đầu năm. Nợ xấu là 4.500 tỷ đồng, chiếm 2,82% tổng dư nợ.

Theo loại tiền: Dư nợ cho vay VNĐ 152.300 tỷ đồng, chiếm 95,61%, tăng 0,47% so với đầu tháng; dư nợ cho vay ngoại tệ 7.000 tỷ đồng, chiếm 4,39% tổng dư nợ cho vay, tăng 1,83% so với đầu tháng.

Theo thời hạn: Dư nợ cho vay ngắn hạn 98.200 tỷ đồng, chiếm 61,64%, tăng 0,53% so với đầu tháng; dư nợ cho vay trung dài hạn 61.100 tỷ đồng, chiếm 38,36% tổng dư nợ cho vay, tăng 0,51% so với đầu tháng.

Hình 8. Hoạt động ngân hàng (Tính đến cuối tháng 5/2024)

8. Các vấn đề xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức họp Hội đồng tuyển chọn vận động viên tham gia Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ X - năm 2024 (vòng khu vực tại tỉnh Bến Tre); Hội nghị triển khai quy chế thi tốt nghiệp THPT 2024; Hội nghị triển khai Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của HĐND thành phố quy định mức học phí đối với sở GDMN, GDPT công lập từ năm học 2023 - 2024; Hội nghị giao ban giữa lãnh đạo Sở với phòng GD&ĐT quận, huyện, đơn vị trực thuộc Sở, Trung tâm GDNN-GDTX quận, huyện lần thứ nhất, năm 2024 và các hội nghị giao ban từng cấp học.

Tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THCS Chương trình song ngữ tiếng Pháp năm học 2023 - 2024; Kỳ thi học sinh giỏi THCS cấp thành phố năm học 2023 - 2024.

Kiểm tra công tác chuẩn bị thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2024 - 2025 và thi tốt nghiệp THPT năm 2024; tổ chức tư vấn tuyển sinh vào lớp 10 THPT cho lãnh đạo các đơn vị, giáo viên chủ nhiệm lớp 9 năm học 2024 - 2025; tư vấn (trực tuyến) tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2024 - 2025 cho cha mẹ học sinh, học sinh.

Tính đến ngày 15/5/2024, lũy kế số trường đạt chuẩn quốc gia là 350/445 trường đạt tỷ lệ 78,7%, trong đó Mầm non 125/172 trường, tỷ lệ 72,7%; Tiểu học 148/166 trường, tỷ lệ 89,16%; THCS 55/69 trường, tỷ lệ 79,7%; THPT 22/38 trường, tỷ lệ 57,9%.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe người dân

Tình hình dịch bệnh: Tính từ ngày 15/4/2024 đến ngày 14/5/2024, thành phố Cần Thơ ghi nhận 29 trường hợp mắc sốt xuất huyết, giảm 29 trường hợp so

với tháng trước, không có tử vong, lũy tích 5 tháng đầu năm ghi nhận 253 trường hợp mắc, giảm 01 trường hợp tử vong và giảm 636 trường hợp mắc so cùng kỳ năm 2023; tay chân miệng ghi nhận 52 trường hợp mắc, giảm 44 trường hợp so với tháng trước, không có tử vong, lũy tích từ đầu năm đến nay ghi nhận 351 trường hợp mắc, không có tử vong, tăng 80 trường hợp so cùng kỳ; sởi và sốt phát ban nghi sởi ghi nhận 01 trường hợp mắc, tương đương so với tháng trước, lũy tích từ đầu năm đến nay ghi nhận 02 trường hợp mắc, không có tử vong; tiêu chảy 1.032 trường hợp, giảm 0,39% so với tháng trước.

Công tác phòng, chống dịch Covid-19: Trong tháng không ghi nhận trường hợp mắc. Lũy tích từ đầu năm đến nay không ghi nhận trường hợp mắc.

Công tác y tế dự phòng khác: Tiếp tục theo dõi, sát tình hình dịch bệnh Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, bệnh đậu mùa khỉ ở người, dịch bệnh cúm A... Ban hành các văn bản về tăng cường kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm trong thời tiết nắng nóng.

Công tác phòng, chống HIV/AIDS: Trong tháng, phát hiện 20 trường hợp nhiễm mới, không ghi nhận trường hợp tử vong. Trong 5 tháng đầu năm, phát hiện 61 trường hợp, tử vong 3 trường hợp, điều trị ARV cho 162 trường hợp, đang điều trị Methadone cho 309 trường hợp.

Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm: Ban hành Kế hoạch Triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2024.

c) Văn hóa, thể dục, thể thao (VHTTDL)¹¹

Văn hóa: Tuyên truyền cổ động và tổ chức các hoạt động VHTTDL kỷ niệm ngày lễ, sự kiện của đất nước và thành phố. Đặc biệt, tổ chức các hoạt động kỷ niệm 20 năm thành lập thành phố Cần Thơ trực thuộc Trung ương (01/01/2004 - 01/01/2024), gắn với Chào năm mới, kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2024) và “Mừng Đảng quang vinh - Mừng Xuân Giáp Thìn 2024”; Giỗ Tổ Hùng Vương; Lễ hội Bánh dân gian Nam bộ lần thứ XI năm 2024; kỷ niệm 49 năm Ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2024), Ngày Quốc tế Lao động (01/5) và 134 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2024).

Triển khai thực hiện chủ đề năm 2024 của thành phố: *“Tiếp tục tăng cường công tác xây dựng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tập trung đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án trọng điểm, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố”*.

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”¹²: Tham mưu xây dựng Quyết định bãi bỏ Quyết định

¹¹ Theo Báo cáo số 1715/BC-SVHTTDL ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Công tác văn hóa, thể thao và du lịch 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024.

¹² Báo cáo kết quả thẩm định nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đối với một số xã thuộc huyện Vĩnh Thạnh. Kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố Cần Thơ, phụ trách Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và công tác gia đình thành phố. Báo cáo kết quả thực hiện 02 năm thực hiện Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và thực hiện Đề án số 07-ĐA/TU ngày

số 12/2018/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của UBND thành phố về quy định tiêu chí xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới và phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị. Góp ý Bộ tiêu chí thành phố Cần Thơ về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; huyện nông thôn mới; huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025. Tuyên truyền trên báo, đài: Thực hiện 16 trang “Văn hóa cơ sở” trên Báo Cần Thơ, gửi báo về 599 ấp, khu vực; 09 chương trình “Chuyện văn hóa” trên sóng Đài PTTH đồng thời đăng công TTĐT. Thực hiện pano 2 mặt hình cách điệu hình bông mai theo 05 tiêu chuẩn người Cần Thơ “Trí tuệ - Năng động - Nhân ái - Hào hiệp - Thanh lịch”.

Thư viện¹³: Bổ sung 4.438 bản sách, đạt 15% kế hoạch năm; phục vụ 2.251.469 lượt bạn đọc, đạt 75% kế hoạch năm và 4.629.453 lượt tài nguyên thông tin.

Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa: Tổ chức phục vụ khách tham quan tại Bảo tàng thành phố, di tích lịch sử - văn hóa, Đền thờ Vua Hùng thành phố Cần Thơ với 198.887 lượt khách, đạt 99,4% kế hoạch năm. Tổ chức sưu tầm và thực hiện hồ sơ khoa học của 234 hiện vật, đạt 117% kế hoạch năm. Tổ chức chương trình “Sắc xuân miệt vườn” năm 2024¹⁴. Tổ chức Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương năm 2024 tại Đền thờ Vua Hùng thành phố Cần Thơ. Tổ chức triển lãm ảnh “Điện Biên Phủ - Thiên Sứ vàng” và chuyên đề “Đo lường trong đời sống của người dân đồng bằng sông Cửu Long”.

Hoạt động nghệ thuật (liên hoan, hội thi, hội diễn): Cấp thành phố tổ chức 01 cuộc, đạt 50% kế hoạch năm: Liên hoan “Ca nhạc, ca cổ, tiểu phẩm Xuân” thành phố Cần Thơ lần thứ XIV năm 2024, kết quả trao 50 giải. Cấp khu vực toàn quốc tham gia 02 cuộc, đạt 50% kế hoạch năm: Hội thi Tuyên truyền lưu động kỷ niệm 70 năm ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 đến 07/5/2024), đạt 01 HCV và 02 HCV; Liên hoan Cán bộ thư viện toàn quốc tuyên truyền phát triển văn hóa đọc và giới thiệu sách - Chào mừng Kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2024) đạt giải Nhất toàn đoàn.

Nhà hát Tây Đô: Tổ chức biểu diễn 27 suất, đạt 54% kế hoạch năm và phục vụ khoảng 12.730 lượt người xem, đạt 50,9% kế hoạch năm.

Thể dục, thể thao (TDTT) quần chúng: Tổ chức Giải Xe đạp thể thao thành phố Cần Thơ mở rộng và Giải Lân Sư Rồng thành phố Cần Thơ mở rộng

28/12/2021 của Thành ủy về phát triển văn hóa thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021 - 2030 năm 2023. Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 đối với xã Trường Xuân B, xã Thới Thạnh, xã Thới Tân, xã Trường Thành, huyện Thới Lai.

¹³ Tổ chức Hội Báo Xuân Giáp Thìn 2024 và Cuộc thi Ấn phẩm Xuân Giáp Thìn 2024. Ra mắt và phục vụ tập thông tin chuyên đề “Thành phố Cần Thơ - Dấu ấn 20 năm xây dựng và phát triển (2004 - 2024)”. Trưng bày, triển lãm địa chí Cần Thơ theo bộ ảnh chuyên đề “Thành tựu 20 năm thành phố Cần Thơ trực thuộc Trung ương” tại Sân vận động Cần Thơ. Tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam (21/4). Tổ chức triển lãm sách chuyên đề “Điện Biên - Vang mãi bản hùng ca” tại trụ sở Thư viện và triển lãm sách online trên Cổng Thông tin điện tử Thư viện. Tổ chức hoạt động xe thư viện lưu động tại 42 trường tiểu học, phục vụ 22.000 lượt học sinh và 110.000 lượt tài nguyên thông tin.

¹⁴ Từ ngày 26/01 đến 30/01/2024 với 45 loại hình, 43 nghệ nhân, 9 đơn vị tham gia trình diễn các loại hình di sản văn hóa đặc trưng của các dân tộc Việt, Hoa, Khmer, Chăm; có 28 gian nhà và 07 tiểu cảnh, thu hút 15.700 lượt khách đạt 142,7% so với năm 2023 (năm 2023 thu hút 11.000 lượt khách).

“Mừng Đảng quang vinh - Mừng Xuân Giáp Thìn 2024”¹⁵, Tổ chức Giải Việt dã thành phố Cần Thơ lần thứ III năm 2024¹⁶, Tổ chức Giải chạy “VPBANK CAN THO MUSIC NIGHT RUN 2024”¹⁷. Tổ chức Giải vô địch trẻ, học sinh các môn thể thao thành phố Cần Thơ năm 2024, giai đoạn 1 gồm các môn: Bơi, Bóng bàn, Bóng rổ, Bóng đá, Điền kinh, với sự tham dự của 618 VĐV là học sinh trên địa bàn thành phố. Chuẩn bị tổ chức Giải vô địch trẻ, học sinh các môn thể thao thành phố Cần Thơ năm 2024 giai đoạn 2, gồm 04 môn: Cờ vua, Vovinam, Taekwondo và Karate, tại các quận: Cái Răng, Ninh Kiều, Thốt Nốt và huyện Phong Điền.

Thể thao thành tích cao: Tính đến tháng 5/2024, số môn thể thao cấp quốc gia 20 môn, đạt 100% kế hoạch năm; số VĐV đạt đẳng cấp quốc gia 121 VĐV, đạt 96% kế hoạch năm; cử 68 HLV, 352 lượt VĐV (151 nữ) tham dự 36 giải thể thao, đạt 143 huy chương các loại: 33 HCV - 39 HCB - 71 HCD, đạt 25,9% kế hoạch năm (Trong đó: đạt 01 HCB, 01 HCD Giải Vô địch Karate Đông Nam Á năm 2024 tại Thái Lan; 01 HCV, 10 HCB, 05 HCD Giải Vô địch quốc gia môn Điền kinh người khuyết tật năm 2024 tại TP. Hồ Chí Minh; 01 HCD Giải Vô địch Boxing U22 và Trẻ Châu Á năm 2024).

d) Chính sách lao động - xã hội¹⁸

Lĩnh vực lao động: Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ đã thực hiện tư vấn việc làm, chính sách việc làm và học nghề cho 16.966 lượt người, giới thiệu việc làm trong và ngoài nước cho 1.451 lượt người, cung ứng lao động trong và ngoài nước cho 220 lượt người; thông qua các hình thức như: gián tiếp qua email, tổng đài điện thoại, nhóm Quản trị nhân sự Cần Thơ, mạng xã hội Zalo và Facebook của Trung tâm, Cổng thông tin Việc làm Cần Thơ, mã QR của Trung tâm; trực tiếp qua các Ngày Gặp gỡ nhà tuyển dụng tại Trung tâm, Ngày hội việc làm Trường Đại học Cần Thơ đợt 1 năm 2024 và Ngày hội việc làm Trường Đại học Tây Đô năm 2024. Trung tâm tổ chức được 02 Ngày Gặp gỡ nhà tuyển dụng tại trụ sở chính của Trung tâm. Trung tâm cũng đã thực hiện tạo nguồn lao động đi làm việc theo hợp đồng tại thị trường Hàn Quốc, kết quả có 01 người lao động xuất cảnh đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS. Thực hiện thu thập 1.267 chỗ việc làm trống của doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng thông qua khảo sát, cập nhật từ các kênh tuyển dụng của các doanh nghiệp. Thu thập thông tin của 749 lượt lao động có nhu cầu tìm việc cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu nhằm thống kê thực trạng thị trường lao động do Trung tâm quản lý. Số lượng hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trong kỳ báo cáo 1.709 hồ sơ, tăng 48,22% so với tháng trước.

Thực hiện chính sách Người có công: Toàn thành phố có 4.973 đối tượng người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi thường xuyên với tổng

¹⁵ Với 589 VĐV tham dự, thu hút hơn 8.000 lượt người xem.

¹⁶ Với 2.700 VĐV tham dự, thu hút hơn 6.000 lượt người xem.

¹⁷ Từ ngày 12-13/4/2024, tại Công viên Sông Hậu, thu hút hơn 5.300 VĐV tham dự.

¹⁸ Theo Báo cáo số 1616/BC-SLĐTBXH ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về Kết quả thực hiện công tác Lao động, Người có công và Xã hội tháng 5 năm 2024 và kế hoạch, nhiệm vụ tháng 6 năm 2024.

kinh phí gần 11 tỷ đồng¹⁹; trong đó có 21 Mẹ Việt Nam anh hùng, còn sống đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, tất cả các Mẹ đều đã được các đơn vị nhận phụng dưỡng.

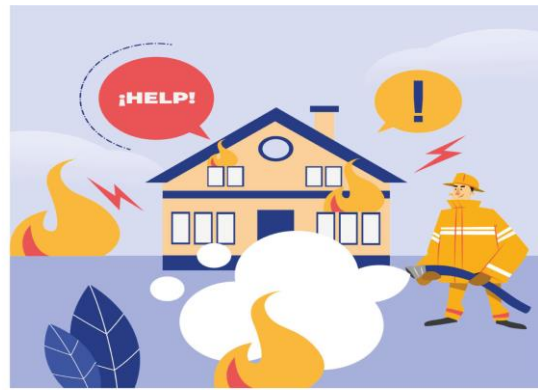
Lĩnh vực xã hội: Thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên ngoài cộng đồng cho 42.792 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng số tiền hơn 24,67 tỷ đồng²⁰. Rà soát lập danh sách 770 người cao tuổi thọ 90 tuổi năm 2024 trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ký tặng Thiệp chúc thọ.

e) Tình hình tai nạn giao thông và cháy nổ

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ (từ ngày 15/4/2024 đến ngày 14/5/2024) trên địa bàn thành phố đã xảy ra 15 vụ tai nạn giao thông đường bộ, chết 12 người, 9 người bị thương (giảm 3 vụ, giảm 3 người chết, tăng 4 người bị thương so với cùng kỳ). Lũy kế 5 tháng xảy ra 124 vụ tai nạn giao thông, làm 57 người chết, 106 người bị thương (so với cùng kỳ tăng 27 vụ, giảm 06 người chết, tăng 54 người bị thương).

Hình 9. Tình hình tai nạn giao thông, cháy nổ 5 tháng năm 2024

(So với cùng kỳ)



Số vụ tai nạn	124 vụ
	▲ 27 vụ
Số người chết	57 người
	▼ 06 người

Số vụ cháy	09 vụ
	▲ 07 vụ
Số người bị thương	04 người
	▲ 03 người

Tình hình cháy, nổ tháng 5/2024 (từ ngày 15/4/2024 đến 14/5/2024) trên địa bàn thành phố Cần Thơ xảy ra 03 vụ cháy, thiệt hại về tài sản khoảng 1.550 triệu đồng (tăng 02 vụ so với cùng kỳ), lũy kế 5 tháng xảy ra 09 vụ cháy, 04 người bị thương, không có người chết, thiệt hại về tài sản khoảng 15.878,5 triệu

¹⁹ Thực hiện chi trả không dùng tiền mặt: đã mở thẻ ATM cho 1.280/4.973 đối tượng người có công với cách mạng, đã thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho 1.280 đối tượng người có công với số tiền trên 2,819 tỷ đồng, đạt tỷ lệ số đối tượng được chi trả qua tài khoản là 25,74%; 100% người có công có tài khoản được chi trả qua tài khoản, tăng 184 thẻ so với năm 2023 là (1.096) thẻ.

²⁰ Thực hiện chi trả không dùng tiền mặt: đã mở thẻ ATM và chi trả không dùng tiền mặt cho 7.018/42.749 đối tượng bảo trợ xã hội với số tiền 3,464 tỷ đồng/ tháng, đạt tỷ lệ số đối tượng được chi trả qua tài khoản là 16,42%, tăng 537 thẻ so với năm 2023 (6.481 thẻ).

đồng (so với cùng kỳ tăng 07 vụ, giảm 01 người chết, tăng 03 người bị thương)./.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp & PBTĐTK;
- Thành ủy, UBND TP Cần Thơ;
- CTK các tỉnh ĐBSCL và các TP T.thuộc TW;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn TP Cần Thơ;
- Cơ quan Thông tấn, báo chí;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Ban Lãnh đạo Cục (đề b/cáo);
- Các phòng nghiệp vụ thuộc Cục Thống kê;
- Chi cục Thống kê các khu vực và Chi cục Thống kê quận Ninh Kiều;
- Website Cục Thống kê;
- Phần mềm quản lý tài liệu;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Lê Ngọc Bửu

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 5 tháng năm 2024

	Đơn vị tính	Ước tính 5 tháng năm 2024	5 tháng năm 2024 so cùng kỳ năm 2023 (%)	
1	Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	106,96
2	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý	Triệu đồng	2.679.083	109,40
3	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Triệu đồng	54.232.630	110,75
4	Chỉ số giá tiêu dùng bình quân	%	-	103,52
5	Doanh thu hoạt động ngành vận tải	Triệu đồng	2.835.448	112,70
6	Tổng thu ngân sách nhà nước (Lũy kế đến ngày 20/5/2024)	Triệu đồng	7.121.482	123,90
7	Tổng chi ngân sách địa phương (Lũy kế đến ngày 20/5/2024)	Triệu đồng	7.722.697	102,09

2. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 5 năm 2024

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	<i>Ha; %</i> Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Diện tích gieo trồng cây hàng năm			
Lúa	147.984	144.093	97,37
Lúa đông xuân	75.028	72.813	97,05
Lúa hè thu	72.956	71.280	97,70
Các loại cây khác	10.491	9.127	87,00
Ngô	551	526	95,46
Rau các loại	6.665	5.764	86,48
Đậu các loại	534	594	111,24
Cây màu khác	2.741	2.243	81,84

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp

21

	%			
	Thực hiện tháng 4/2024 so với cùng kỳ	Ước tính tháng 5/2024 so với tháng trước	Ước tính tháng 5/2024 so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5/2024 với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	105,68	107,51	105,04	106,96
Khai khoáng	-	-	-	-
Khai thác than cứng và than non	-	-	-	-
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	-	-	-	-
Khai thác quặng kim loại	-	-	-	-
Khai khoáng khác	-	-	-	-
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	-	-	-	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo	100,88	108,84	105,01	106,64
Sản xuất chế biến thực phẩm	97,89	109,64	95,31	99,59
Sản xuất đồ uống	99,06	145,01	109,91	105,62
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	132,46	108,34	110,03	123,89
Dệt	96,07	120,68	100,37	109,32
Sản xuất trang phục	150,08	112,47	165,47	174,03
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	105,59	106,36	114,87	118,51
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	92,70	105,96	223,52	108,30
In, sao chép bản ghi các loại	135,83	110,05	126,21	117,78
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	99,74	105,74	101,88	96,01
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	92,86	100,76	126,35	99,32
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	130,21	101,43	131,89	127,75
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	102,37	102,99	102,94	99,47
Sản xuất kim loại	78,59	123,29	72,25	76,31
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	86,06	113,73	239,06	125,35
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học
Sản xuất thiết bị điện
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	63,17	151,30	58,40	68,19
Sản xuất xe có động cơ
Sản xuất phương tiện vận tải khác
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	33,62	158,20	58,62	138,20
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	99,52	108,58	100,30	99,78
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	140,71	100,85	105,33	109,21
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	108,76	103,09	103,73	102,01
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	106,05	101,50	109,84	107,02
Thoát nước và xử lý nước thải
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	110,94	104,31	99,58	98,72
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 4/2024	Ước tính tháng 5/2024	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5/2024	Tháng 5/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối 5/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tên sản phẩm						
(Theo ngành sản phẩm mới)						
- Phi lê đông lạnh	Tấn	20.799	22.081	99.803	123,59	107,75
- Tôm đông lạnh	Tấn	2.242	2.284	11.227	86,39	112,52
- Xay xát gạo	Tấn	377.724	418.314	1.696.178	118,59	105,09
- Thức ăn gia súc	Tấn	50.306	54.900	219.985	124,38	129,80
- Thức ăn thủy sản	Tấn	52.000	58.000	253.686	58,32	68,57
- Bia đóng lon	1.000 Lít	2.876	2.963	13.422	120,30	89,61
- Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...)	1.000 Lít	17.990	25.974	110.890	109,47	106,26
- Thuốc lá có đầu lọc	1.000 Bao	9.916	10.743	57.685	110,03	123,89
- Bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác	1.000 Cái	2.530	2.900	11.946	101,51	94,31
- Quần áo may sẵn	1.000 Cái	507	582	2.966	193,36	205,32
- Phân khoáng và phân hóa học NPK	Tấn	202	210	698	122,81	180,95
- Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	1000 chiếc	3.652	3.852	17.412	230,09	115,87
- Dược phẩm chứa hóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu viên	694	700	3.178	141,41	103,66
- Bao và túi (kể cả loại hình nan) từ plastic khác	Tấn	1.276	1.201	6.062	195,13	231,87
- Xi măng	1.000 Tấn	149	153	717	102,93	99,63
- Sắt thép	Tấn	6.273	7.734	36.703	72,25	76,31
- Đinh, đinh mũ, ghim dập	Tấn	1.213	1.380	5.450	239,06	125,35
- Điện thương phẩm	Triệu KWh	287	281	1.335	106,49	111,63
- Nước uống được	1.000 M3	5.086	5.163	24.268	109,84	107,02
- Rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế	Tấn	19.389	20.000	84.644	109,22	125,05

5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện tháng 4 năm 2024	Ước tính tháng 5 năm 2023	Ước tính 5 tháng năm 2024	Triệu đồng; %	
					So với cùng kỳ năm trước	
					Tháng 5 năm 2024	5 tháng năm 2024
TỔNG SỐ	8.761.215	576.562	665.145	2.679.083	112,41	109,40
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	5.836.445	389.473	448.739	1.771.413	107,21	107,88
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	850.416	50.257	62.732	263.709	73,54	77,53
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	620.302	26.185	34.741	144.474	154,45	265,14
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	1.890.000	149.541	156.840	737.710	122,69	130,52
Vốn nước ngoài (ODA)	40.160	1.880	2.814	13.661	16,40	25,04
Xổ số kiến thiết	1.068.731	62.017	80.564	308.982	107,17	79,89
Vốn khác	1.987.138	125.778	145.789	447.351	128,89	151,44
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	2.924.770	187.089	216.406	907.670	124,98	112,49
Vốn cân đối ngân sách huyện	2.192.661	125.710	143.620	603.755	141,53	131,16
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	1.549.698	77.776	86.530	353.121	287,49	179,45
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	732.109	61.379	72.786	303.915	101,54	87,69
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	-	-	-	-	-	-
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	-	-	-	-	-	-
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-	-

6. Số dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép mới

Dự án

	Số dự án cấp phép mới tháng 4/2024	Số dự án cấp phép mới tháng 5/2024	Lũy kế số dự án cấp phép mới từ đầu năm đến tháng 5/2024
TỔNG SỐ	-	-	1
Phân theo ngành kinh tế			
Hoạt động tư vấn quản lý	-	-	1
Phân theo một số nước và vùng lãnh thổ			
Hoa Kỳ	-	-	1

7. Vốn đăng ký và vốn bổ sung của dự án đầu tư nước ngoài được cấp phép mới

Triệu USD

	Số vốn tháng 4/2024	Số vốn tháng 5/2024	Lũy kế vốn từ đầu năm đến tháng 5/2024
TỔNG SỐ	-	-	0,15
Phân theo ngành kinh tế			
Hoạt động tư vấn quản lý	-	-	0,15
Phân theo một số nước và vùng lãnh thổ			
Hoa Kỳ	-	-	0,15

8. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

25

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	8.232.030	8.104.015	39.120.021	114,69	110,90
Lương thực, thực phẩm	2.634.596	2.613.078	12.877.775	122,41	120,65
Hàng may mặc	196.133	207.318	1.068.004	75,51	78,55
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	922.057	853.186	4.336.381	104,47	106,35
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	98.094	96.937	456.051	104,72	105,00
Gỗ và vật liệu xây dựng	1.255.558	1.200.679	5.859.815	110,63	113,85
Ô tô các loại	738.094	674.911	2.867.713	117,03	93,36
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	290.529	301.794	1.424.968	110,05	103,07
Xăng, dầu các loại	1.180.310	1.191.724	5.703.719	117,98	110,14
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	103.640	106.631	511.139	130,50	120,68
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	329.126	340.458	1.835.847	112,09	105,12
Hàng hóa khác	358.492	372.559	1.522.106	127,50	129,85
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	125.401	144.740	656.502	117,01	107,90

9. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1.369.183	1.457.131	6.798.334	128,52	111,49
Dịch vụ lưu trú	112.039	120.259	637.954	87,99	115,56
Dịch vụ ăn uống	1.257.144	1.336.872	6.160.380	134,08	111,09
Du lịch lữ hành	50.737	63.809	230.676	182,12	166,88
Dịch vụ khác	1.626.225	1.801.764	8.083.598	118,00	108,44

10. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	11.278.175	11.426.719	54.232.630	117,06	110,75
Bán lẻ hàng hóa	8.232.030	8.104.015	39.120.021	114,69	110,90
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1.369.183	1.457.131	6.798.334	128,52	111,49
Du lịch lữ hành	50.737	63.809	230.677	182,12	166,88
Dịch vụ khác	1.626.225	1.801.764	8.083.598	118,00	108,44

11. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 5/2024 so với:				Bình quân cùng kỳ
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	113,53	104,57	102,25	100,53	103,52
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	119,36	105,08	102,48	101,06	103,79
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	132,54	115,38	101,32	99,98	116,00
Thực phẩm	115,62	102,79	101,33	100,98	101,44
Ăn uống ngoài gia đình	121,31	105,71	105,06	101,71	103,75
Đồ uống và thuốc lá	110,62	102,20	101,27	100,02	102,65
May mặc, mũ nón và giày dép	105,41	100,49	100,03	100,18	99,98
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	112,83	104,65	102,73	100,33	103,88
Thiết bị và đồ dùng gia đình	110,48	100,77	100,70	100,09	101,21
Thuốc và dịch vụ y tế	105,22	104,32	100,16	100,01	104,24
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	106,05	105,12	100,13	100,00	105,04
Giao thông	113,58	105,57	103,64	97,83	102,99
Bưu chính viễn thông	95,80	98,91	100,34	99,99	98,26
Giáo dục	112,09	110,25	106,11	105,60	105,67
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	111,55	111,51	107,20	106,64	105,92
Văn hoá, giải trí và du lịch	104,43	105,92	101,27	99,03	106,73
Hàng hóa và dịch vụ khác	123,08	110,34	101,50	100,12	110,35
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	194,43	133,16	122,87	103,70	123,75
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	109,37	107,74	104,25	101,32	105,10

12. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

	<i>Triệu đồng</i>				
	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	581.903,64	2.835.448,42	100,97	110,18	112,70
Vận tải hành khách	149.511,29	737.367,98	97,37	85,66	105,65
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	3.670,00	24.514,43	53,90	5,68	12,45
Đường thủy nội địa	3.861,69	19.696,46	81,14	157,66	138,36
Đường bộ	141.979,60	693.157,10	100,00	132,14	142,38
Hàng không	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	316.983,97	1.537.554,53	102,78	121,70	114,46
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	2.980,00	14.600,09	132,15	92,60	89,71
Đường thủy nội địa	91.992,12	423.685,06	101,40	121,71	120,23
Đường bộ	222.011,85	1.099.269,38	103,05	122,21	112,78
Hàng không	-	-	-	-	-
Kho bãi, DV hỗ trợ vận tải	95.118,98	454.205,09	101,74	127,39	116,74
Bưu chính, chuyển phát	20.289,40	106.320,82	97,22	109,84	124,32

13. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.978,24	9.312,94	110,30	121,10	117,51
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	5,69	36,94	54,21	5,71	9,31
Đường thủy nội địa	769,88	3.564,03	119,56	140,75	112,95
Đường bộ	1.202,67	5.711,96	105,58	121,86	130,61
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	207.798,47	982.440,48	105,41	111,09	119,50
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	1.026,00	6.670,02	54,03	5,69	9,49
Đường thủy nội địa	2.693,39	8.238,17	226,93	252,52	148,20
Đường bộ	204.079,08	967.532,29	105,17	121,50	129,78
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	1.408,23	7.012,01	102,48	124,16	111,12
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	5,46	30,49	133,27	93,38	91,50
Đường thủy nội địa	724,61	3.460,26	101,95	126,60	120,01
Đường bộ	678,15	3.521,26	102,85	121,97	103,76
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	237.251,57	1.134.738,69	103,31	116,84	113,15
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	5.959,90	27.969,21	132,17	92,61	90,60
Đường thủy nội địa	122.715,66	563.994,01	102,53	114,62	117,64
Đường bộ	108.576,00	542.775,47	102,96	121,23	110,19
Hàng không	-	-	-	-	-

14. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

	<i>Triệu đồng</i>				
	TH 4 tháng năm 2024	TH 20 ngày tháng 5 năm 2024	Lũy kế TH đến 20 ngày tháng 5 năm 2024	Lũy kế TH so với dự toán HĐND TP năm 2024 (%)	Lũy kế TH so với cùng kỳ (%)
Tổng thu NSNN trên địa bàn	6.054.442	1.067.039	7.121.482	37,12	123,90
A. Thu NSNN theo dự toán được giao (I+II)	4.346.426	484.498	4.830.924	38,96	121,92
I. Thu nội địa	4.261.207	440.947	4.702.154	38,92	122,34
1. Thu từ DNNN	245.484	32.153	277.637	24,46	57,08
2. Thu từ DN có vốn ĐTNN	526.295	64.421	590.716	51,37	140,28
3. Thu từ khu vực CTN, dịch vụ ngoài nhà nước	1.186.760	143.367	1.330.127	48,67	145,05
4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-	-
5. Thuế thu nhập cá nhân	576.486	39.265	615.751	50,89	106,93
6. Lệ phí trước bạ	141.119	22.784	163.903	34,15	95,01
7. Thuế bảo vệ môi trường	256.691	40.082	296.773	45,66	143,62
8. Thu phí, lệ phí	86.584	9.209	95.793	45,62	107,21
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16.984	2.710	19.694	56,92	77,00
10. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	25.009	14.458	39.467	22,55	276,13
11. Tiền sử dụng đất	258.034	47.099	305.133	14,06	145,10
12. Thu tiền bán nhà, KH, thuê nhà thuộc SHNN	3.034	0	3.034	6,07	99,62
13. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.042	531	1.573	13,11	99,18
14. Thu khác ngân sách	104.464	20.252	124.716	47,97	102,50
15. Thu cổ tức, lợi nhuận	280,20	-	280,20	2,34	-
16. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	832.940	4.617	837.557	46,53	140,00
II. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	85.219	43.551	128.770	40,49	108,32
B. Thu vay để bù đắp bội chi theo hạn mức được duyệt	130.813	82.299	213.112	9,62	105,31
C. Các khoản huy động, đóng góp	1.756	4	1.760	-	52,21
D. Thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW	1.573.723	500.000	2.073.723	58,04	146,99
E. Thu hoàn trả các cấp ngân sách	1.724	239	1.963	-	1,16

15. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

Triệu đồng

	TH 4 tháng năm 2024	TH 20 ngày tháng 5 năm 2024	Lũy kế TH đến 20 ngày tháng 5 năm 2024	Lũy kế TH so với dự toán HĐND TP năm 2024 (%)	Lũy kế TH so với cùng kỳ (%)
Tổng chi ngân sách địa phương	7.047.087	675.611	7.722.697	36,30	102,09
I. Chi đầu tư phát triển	4.937.000	271.366	5.208.366	38,95	101,57
II. Chi thường xuyên	2.094.485	404.006	2.498.490	34,51	110,23
<i>Trong đó:</i>					
- Chi quốc phòng và an ninh:	81.396	10.708	92.104	46,98	120,29
+ Quốc phòng	69.138	9.633	78.770	54,01	120,95
+ An Ninh	12.259	1.075	13.334	26,57	116,53
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	821.057	199.386	1.020.443	34,25	115,19
- Sự nghiệp y tế	143.342	30.504	173.846	45,90	112,81
- Chi đảm bảo xã hội	227.027	34.506	261.533	58,36	108,60
- Chi quản lý hành chính	299.936	40.035	339.971	40,33	112,98
- Chi khác ngân sách	22.591	1.433	24.024	6,83	28,22
- Chi ngân sách xã	239.654	49.473	289.127	33,28	120,43
III. Dự phòng ngân sách	-	-	-	-	-
IV. Chi trả nợ lãi	3.356	-	3.356	2,02	187,15
V. Chi trả nợ gốc	10.522	-	10.522	10,05	-
VI. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên	1.724	239	1.963	-	1,2

	Sơ bộ kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước	%
Tai nạn giao thông						
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	15	124	115,38	83,33	127,84	
Đường bộ	15	122	125,00	88,24	128,42	
Đường sắt	-	-	-	-	-	
Đường thủy	-	2	-	-	100,00	
Số người chết (Người)	12	57	150,00	80,00	90,48	
Đường bộ	12	57	150,00	85,71	93,44	
Đường sắt	-	-	-	-	-	
Đường thủy	-	-	-	-	-	
Số người bị thương (Người)	9	106	90,00	-	203,85	
Đường bộ	9	105	90,00	-	201,92	
Đường sắt	-	-	-	-	-	
Đường thủy	-	1	-	-	-	
Cháy, nổ						
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	3	9	300,00	-	450,00	
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-	
Số người bị thương (Người)	-	4	-	-	400,00	
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	1.550	15.878,50	-	155	1.588	